TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:21/2022/HNGĐ-ST Ngày 22-9-2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Kim Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Hồng Thu;

Ông Nguyễn Xuân Quý.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Dương Thu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 136/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1995; địa chỉ: Số K, đường N, khối Q, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Bảo T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ V, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Bảo T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/01/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng càng về sau càng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, xung đột gay gắt đến mức không thể dung hòa giữa hai vợ chồng. Từ khi chị có thai và sinh con vào khoảng cuối năm 2018, vợ chồng anh

chị đã sống ly thân. Anh Đỗ Bảo T1 về nhà bố mẹ tại thành phố H, tỉnh Hà Giang, còn chị vẫn sống ở thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình ly thân, chị và anh Đỗ Bảo T1 không hỏi thăm nhau, hai vợ chồng muốn sống ra sao thì sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tháo gỡ được mâu thuẫn. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đỗ Bảo T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Bảo T1.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Bảo T1 có 01 con chung tên là Đỗ Nhật Hải Đ, sinh ngày 08/8/2018, hiện nay cháu Đỗ Nhật Hải Đ đang sinh sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Nhật Hải Đ đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đỗ Bảo T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại bản khai anh Đỗ Bảo T1 trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Phương T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/01/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh và chị Nguyễn Thị Phương T sống xa nhau, không thường xuyên quan tâm, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt và dần dần không có tiếng nói chung. Nay chị Nguyễn Thị Phương T xin ly hôn với anh, anh nhất trí và đề nghị Tòa án chấp nhận việc ly hôn của anh và chị Nguyễn Thị Phương T.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Phương T có 01 con chung tên là Đỗ Nhật Hải Đ, sinh ngày 08/8/2018, hiện nay cháu Đỗ Nhật Hải Đ đang sinh sống cùng chị Nguyễn Thị Phương T. Khi ly hôn anh nhất trí để chị Nguyễn Thị Phương T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Nhật Hải Đ đến khi đủ 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng anh và chị Nguyễn Thị Phương T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổ chức hòa giải cho anh Đỗ Bảo T1 và chị Nguyễn Thị Phương T vào ngày 06/9/2022, tuy nhiên anh Đỗ Bảo T1 vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho anh chị được. Chị Nguyễn Thị Phương T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải lần 2 và đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật .

Về quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Đỗ Bảo T1.

Về con chung: Giao con chung Đỗ Nhật Hải Đ, sinh ngày 08/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Bảo T1 không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Đỗ Bảo T1 có nơi cư trú hiện tại ở Tổ V, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đỗ Bảo T1 đã có biên bản thỏa thuận đề ngày 26/7/2022 về việc lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án ly hôn và thống nhất lựa chọn Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T là Tòa án giải quyết vụ việc. Do chị Nguyễn Thị Phương T có nơi cư trú tại phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Đỗ Bảo T1, tuy nhiên anh Đỗ Bảo T1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Bảo T1.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đỗ Bảo T1 sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, có 01 con chung và có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T, thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đỗ Bảo T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/01/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương T và Đỗ Bảo T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên sau này đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến cuối năm 2018, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Anh Đỗ Bảo T1 về nhà bố mẹ tại thành phố H, tỉnh Hà Giang, còn chị Nguyễn Thị Phương T vẫn ở thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình sống ly thân, anh chị cũng không còn quan tâm, chia sẽ với nhau khiến tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, đồng thời chị Nguyễn Thị Phương T xin ly hôn anh Đỗ Bảo T1 cũng đồng ý, xét thấy mâu thuẫn của anh Đỗ Bảo T1 và chị Nguyễn Thị Phương T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Nguyễn Thị Phương T xin ly hôn với anh Đỗ Bảo T1 là có căn cứ theo Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Đỗ Bảo T1.

[6] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đỗ Bảo T1 có 01 con chung tên là Đỗ Nhật Hải Đ, sinh ngày 08/8/2018, hiện nay cháu Đỗ Nhật Hải Đ đang sinh sống cùng chị Nguyễn Thị Phương T. Xét yêu cầu được nuôi cháu Đỗ Nhật Hải Đ của chị Nguyễn Thị Phương T thấy từ khi sinh ra cho đến nay, cháu Đỗ Nhật Hải Đ vẫn sinh sống ổn định cùng gia đình chị Nguyễn Thị Phương T, được chị Nguyễn Thị Phương T chăm sóc, cho đi học đầy đủ, hiện nay chị Nguyễn Thị Phương T đang công tác ở Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, có mức thu nhập ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Nhật Hải Đ. Đồng thời anh Đỗ Bảo T1 cũng nhất trí khi ly hôn để chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đỗ Nhật Hải Đ cho đến khi đủ 18 tuổi. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương T, giao con chung là cháu Đỗ Nhật Hải Đ, sinh ngày

08/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý, anh Đỗ Bảo T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Bảo T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Phương T không có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Do chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đỗ Bảo T1 xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đỗ Bảo T1 xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Đỗ Bảo T1 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 24/01/2018 của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).*

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Nhật Hải Đ, sinh ngày 08/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đỗ Nhật Hải Đ đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Bảo T1

không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu

Anh Đỗ Bảo T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000964, ngày 01/8/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Nguyễn Thị Phương T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đỗ Bảo T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- CCTHADS thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, thành phố L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Thịnh